



**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH ĐẠI HỌC – DẠY NGHỀ**

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	3
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11 tháng 06 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101517669 ngày 28 tháng 07 năm 2004 (đăng ký điều chỉnh lần 2 vào ngày 28 tháng 6 năm 2010) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HEV. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 11/12/2007.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 21,73% vốn điều lệ.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2015: 10.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 25 Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 04.38256547 - 39717189
- Fax: (84) 04.39717189

Ngành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 25 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Văn Tư | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 19/04/2014 |
| • Bà Ngô Thị Thanh Bình | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Lê Quang Dũng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Trần Văn Thắng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Trần Trọng Tiến | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 19/04/2014 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|--------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Đỗ Thị Phương | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
|--------------------|------------|------------------------------|

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- | | | |
|------------------------|---------|------------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Vũ Bá Sơn | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 19/04/2014 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|----------------|------------------------------|
| • Bà Ngô Thị Thanh Bình | Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 21/04/2014 |
| • Ông Trần Văn Thắng | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 21/04/2014 |
| • Ông Trần Trọng Tiến | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 21/04/2014 |
| • Ông Lê Quang Dũng | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 21/04/2014 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30/4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

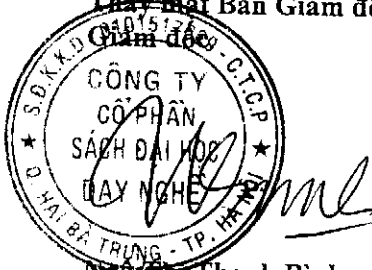
Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ngô Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 808/2015/BCSX-AAC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, được lập ngày 19/07/2015 của Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 4 đến trang 27. Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 8 năm 2015

Nguyễn Thị Thúy – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1622-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		19.223.294.816	19.319.979.900
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.478.027.375	1.413.624.375
1. Tiền	111	5	978.027.375	913.624.375
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	1.500.000.000	500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	203.815.200	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		203.815.200	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.088.981.778	9.699.569.403
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	5.391.881.960	2.572.863.489
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	1.334.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	3.000.000.000	7.400.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	53.235.000	50.525.000
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(356.135.182)	(325.153.086)
IV. Hàng tồn kho	140	12	8.298.587.710	8.206.397.622
1. Hàng tồn kho	141		9.202.829.449	9.160.898.994
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(904.241.739)	(954.501.372)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		153.882.753	388.500
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	148.774.850	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.107.903	388.500
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		-	686.436.536
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	49.610.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		-	49.610.000
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	-	-
- Nguyên giá	222		1.009.219.000	1.009.219.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.009.219.000)	(1.009.219.000)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	634.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	634.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	2.826.536
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	2.826.536
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		19.223.294.816	20.006.416.436

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.217.417.602	3.576.888.476
I. Nợ ngắn hạn	310		4.217.417.602	3.576.888.476
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	2.759.022.352	1.033.757.170
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	62.758.610	6.086.290
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	245.610.079	415.660.152
4. Phải trả người lao động	314		958.586.091	1.401.236.631
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	92.770.766	676.246.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	29.838.735	35.071.264
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		68.830.969	8.830.969
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.005.877.214	16.429.527.960
I. Vốn chủ sở hữu	410		15.005.877.214	16.429.527.960
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	1.890.000.000	1.890.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	606.152.402	1.209.758.684
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	2.509.724.812	3.329.769.276
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.629.769.276	1.564.287.686
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		879.955.536	1.765.481.590
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		19.223.294.816	20.006.416.436



Ngô Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2015

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

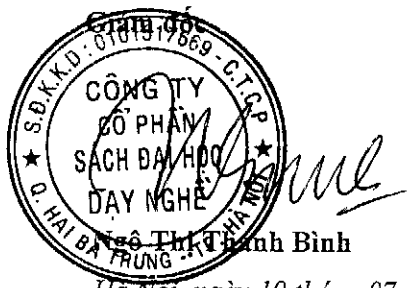
Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	9.860.393.023	9.704.905.611
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		9.860.393.023	9.704.905.611
4. Giá vốn hàng bán	11	22	5.804.088.341	5.817.906.709
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		4.056.304.682	3.886.998.902
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	293.032.611	270.323.838
7. Chi phí tài chính	22		-	3.800.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	24a	337.687.262	140.569.760
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24b	2.863.764.902	2.906.539.298
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.147.885.129	1.106.413.682
11. Thu nhập khác	31	25	8.291.595	5.281.300
12. Chi phí khác	32	26	4.220.509	11.565.000
13. Lợi nhuận khác	40		4.071.086	(6.283.700)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.151.956.215	1.100.129.982
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	272.000.679	263.525.104
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		879.955.536	836.604.878
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	880	837
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		880	837



Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2015

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

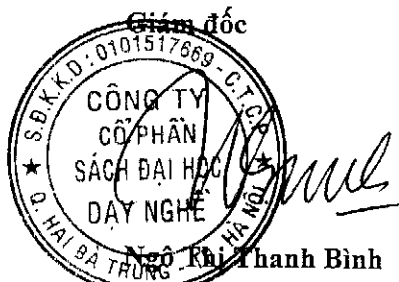
Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	7.882.684.856	7.423.949.780
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(6.237.808.002)	(5.703.183.504)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.461.062.400)	(2.225.052.700)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(679.672.678)	(258.290.904)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	19.581.383	14.303.100
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(693.600.902)	(445.827.057)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.169.877.743)	(1.194.101.285)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	4.400.000.000	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	134.280.743	334.157.171
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.534.280.743	334.157.171
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.300.000.000)	(1.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.300.000.000)	(1.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.064.403.000	(2.459.944.114)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.413.624.375	3.528.009.745
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.478.027.375	1.068.065.631



Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2015

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11 tháng 06 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101517669 ngày 28 tháng 07 năm 2004 (đăng ký điều chỉnh lần 2 vào ngày 28 tháng 6 năm 2010) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 21,73% vốn điều lệ.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2015: 10.000.000.000 đồng.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HEV. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 11/12/2007.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Biên tập, in và phát hành các loại sách, báo; buôn bán văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015 (bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu các chứng khoán đó. Cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản cho vay là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản nợ phải thu được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Hiện nay, toàn bộ các tài sản cố định hữu hình của Công ty đã được khấu hao hết.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty là phí quản lý xuất bản, phí đấu thầu bản thảo trả trước cho sách chưa in và các chi phí trả trước khác. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Thời điểm ghi nhận nợ phải trả là thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán của Công ty hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải trả là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Công ty gồm:

- Phí đầu thầu bản thảo: Phí đầu thầu của số lượng sách in vượt hợp đồng hoặc đơn giá cao hơn hợp đồng thầu nhưng chưa có hóa đơn;
- Phải trả chi phí thuê nhà chưa có hóa đơn tài chính: chi phí phải trả được xác định theo đơn giá thuê nhà hàng tháng;
- Phí quản lý xuất bản: Phí quản lý xuất bản của các quyết định in sách đã về nhập kho nhưng chưa có hóa đơn.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp.

Thặng dư vốn cổ phần ghi nhận khoản chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

4.10 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.11 Giá vốn hàng bán

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

Các khoản giảm giá vốn trong kỳ bao gồm hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho...

4.12 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi Công ty hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi...

4.13 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Các loại sách cho đại học và dạy nghề là hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế. Đối với từ điển các loại áp dụng mức thuế suất 5%. Đối với các loại sổ sách chuyên môn áp dụng mức thuế suất 10%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế là 22%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2015	31/12/2014
Tiền mặt	167.903.001	151.595.133
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	810.124.374	762.029.242
Cộng	978.027.375	913.624.375

6. Các khoản trong đương tiền

	30/06/2015	31/12/2014
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	1.500.000.000	500.000.000
Cộng	1.500.000.000	500.000.000

7. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2015			31/12/2014		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Tổng giá trị cổ phiếu	203.815.200	241.570.000	-	-	-	-
+ Công ty CP Chứng khoán châu Á Thái Bình Dương (APS)	143.744.800	168.130.000	-	-	-	-
+ Công ty CP Sách và TBTH TP HCM (STC)	60.070.400	73.440.000	-	-	-	-
Cộng	203.815.200	241.570.000	-	-	-	-

Chứng khoán kinh doanh được đánh giá lại theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá giao dịch trên thị trường. Đối với các chứng khoán hiện niêm yết tại các Sở giao dịch chứng khoán (STC, APS) thì giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Biến động trong kỳ

	Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Cổ phiếu	39.300	144.480.000	34.600	574.664.800
+ APS	39.300	144.480.000	200	735.200
+ STC (*)	-	-	34.400	573.929.600
Cộng	39.300	144.480.000	34.600	574.664.800

(*) Công ty đã quyết định không đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (mã CK: STC) mà chuyển sang chứng khoán kinh doanh để thu hồi vốn đầu tư. Trong kỳ, Công ty đã thanh lý một phần khoản đầu tư này.

8. Phải thu của khách hàng

a. Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	1.311.341.816	201.093.023
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	1.275.967.650	-
Các đối tượng khác	2.804.572.494	2.371.770.466
Cộng	5.391.881.960	2.572.863.489

b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2015	31/12/2014
Công ty Cổ phần Sách và TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư	1.311.341.816	201.093.023
Công ty Cổ phần Sách và TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư	1.275.967.650	-
Các đối tượng khác		1.338.045.661	309.372.100
Cộng		3.925.355.127	510.465.123

9. Phải thu về cho vay

a. Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	3.000.000.000	4.400.000.000
Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Di động	-	3.000.000.000
Cộng	3.000.000.000	7.400.000.000

Cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục VN vay theo hợp đồng số 01/2015/HĐVV/HEV-NXBGDVN, thời hạn cho vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày 01/01/2015 với lãi suất 8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Phải thu về cho các bên liên quan vay

	Mối quan hệ	30/06/2015	31/12/2014
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	3.000.000.000	4.400.000.000
Cộng		3.000.000.000	4.400.000.000

10. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	49.400.000	-
Ký cược, ký quỹ	49.610.000	-	-	-
Lãi dự thu	3.625.000	-	1.125.000	-
Cộng	53.235.000	-	50.525.000	-

11. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn:		
- Từ 3 năm trở lên	282.135.886	289.135.886
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	33.985.000	33.985.000
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	2.032.200	2.032.200
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	37.982.096	-
Cộng	356.135.182	325.153.086

b. Nợ xấu

	30/06/2015				
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Tiền phạt, lãi trả chậm chưa ghi nhận doanh thu	Khả năng thu hồi nợ
Phải thu khách hàng					
- Công ty CP Việt Thường - Nhà Sách Cáo Thơm	50.234.301	-	3 năm	-	Khó có khả năng thu hồi
- Sở GD - ĐT Bắc Kạn	45.446.334	-	3 năm	-	Khó có khả năng thu hồi
- Các đối tượng khác đã quá hạn trên 3 năm	186.455.251	-	3 năm	-	Khó có khả năng thu hồi
- Phải thu các đối tượng khác	179.221.385	105.222.089		-	
Cộng	461.357.271	105.222.089		-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2014				
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Tiền phạt, lãi trả chậm chưa ghi nhận doanh thu	Khả năng thu hồi nợ
Phải thu khách hàng					
- Công ty CP Việt Thương - Nhà Sách Cáo Thơm	50.234.301	-	3 năm	-	Khó có khả năng thu hồi
- Sở GD - ĐT Bắc Kạn	45.446.334	-	3 năm	-	Khó có khả năng thu hồi
- Các đối tượng khác đã quá hạn trên 3 năm	193.455.251	-	3 năm	-	Khó có khả năng thu hồi
- Phải thu các đối tượng khác	52.614.400	16.597.200		-	
Cộng	341.750.286	16.597.200		-	

12. Hàng tồn kho

	30/06/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.761.077	-	18.259.409	-
Chi phí SX, KD dở dang	-	-	91.362.500	-
Thành phẩm	9.134.587.122	904.241.739	8.999.874.692	954.501.372
Hàng hóa	59.481.250	-	51.402.393	-
Cộng	9.202.829.449	904.241.739	9.160.898.994	954.501.372

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2015 là 1.821.397.984 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch giảm giá để thanh lý đối với các mặt hàng có thể tiêu thụ và hủy bỏ đối với các mặt hàng còn lại.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2015 là 0 đồng.
- Lý do hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Công ty hoàn nhập lại dự phòng giảm giá hàng tồn kho của những mặt hàng đã trích lập tại thời điểm 31/12/2014 do đã tiêu thụ được trong 6 tháng đầu năm 2015.

13. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Phí quản lý xuất bản	148.774.850	-
Cộng	148.774.850	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	1.009.219.000	1.009.219.000
Mua sắm trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	1.009.219.000	1.009.219.000
Khấu hao		
Số đầu kỳ	1.009.219.000	1.009.219.000
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	1.009.219.000	1.009.219.000
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	-	-
Số cuối kỳ	-	-

- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 1.009.219.000 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

15. Phải trả người bán

a. Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty Cổ phần In Phúc Yên	981.725.064	450.000.000
Công ty Cổ phần In và Vật tư Hải Dương	490.083.696	100.000.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	276.693.720	65.312.870
Các đối tượng khác	1.010.519.872	418.444.300
Cộng	2.759.022.352	1.033.757.170

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2015	31/12/2014
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư	276.693.720	65.312.870
Công ty Cổ phần In SGK tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư	158.434.647	200.000.000
Công ty Cổ phần ĐT&PT GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư	-	50.000.000
Các đối tượng khác		127.564.550	13.444.300
Cộng		562.692.917	328.757.170

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Hiệu sách Hoàng Hương	51.201.110	5.548.790
Trường Đại học Ngoại thương	9.520.000	-
Các đối tượng khác	2.037.500	537.500
Cộng	62.758.610	6.086.290

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	332.860.100	568.813.257	679.672.678	222.000.679
Thuế thu nhập cá nhân	82.800.052	151.097.446	210.288.098	23.609.400
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	415.660.152	723.910.703	893.960.776	245.610.079

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Chi phí thuê nhà	40.797.266	-
Tiền nhuận bút phải trả	-	470.003.000
Chi phí chế bản	36.312.000	206.243.000
Chi phí đấu thầu bán thảo	13.401.500	-
Phí quản lý xuất bản	2.260.000	-
Cộng	92.770.766	676.246.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2015	31/12/2014
Kinh phí công đoàn	13.465.035	18.697.564
Phải trả khác	16.373.700	16.373.700
Cộng	29.838.735	35.071.264

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2014	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	609.344.310	3.164.287.686	16.264.046.370
Tăng trong năm	-	-	-	-	1.765.481.590	1.765.481.590
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.600.000.000	1.600.000.000
Số dư tại 31/12/2014	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	609.344.310	3.329.769.276	16.429.527.960
Số dư tại 01/01/2015	10.000.000.000	1.890.000.000	1.209.758.684	-	3.329.769.276	16.429.527.960
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	879.955.536	879.955.536
Giảm trong kỳ	-	-	603.606.282	-	1.700.000.000	2.303.606.282
Số dư tại 30/06/2015	10.000.000.000	1.890.000.000	606.152.402	-	2.509.724.812	15.005.877.214

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	10.000.000.000	10.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	10.000.000.000	10.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.300.000.000	1.600.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	30/06/2015	31/12/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Cổ tức

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 18/05/2015 đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 với tỷ lệ 13%/ vốn điều lệ, tương ứng 1.300.000.000 đồng. Theo đó, công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong 6 tháng đầu năm 2015.

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2015	31/12/2014
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	3.329.769.276	3.164.287.686
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	879.955.536	1.765.481.590
Phân phối lợi nhuận	1.700.000.000	1.600.000.000
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	1.700.000.000	1.600.000.000
- Chia cổ tức	1.300.000.000	1.600.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	400.000.000	-
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.509.724.812	3.329.769.276

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Sách Đại học-Dạy nghề	8.614.029.252	9.113.781.945
Sách liên kết	1.156.604.826	552.004.818
Sách tham khảo mua ngoài	89.758.945	39.118.848
Cộng	9.860.393.023	9.704.905.611

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Doanh thu với các bên liên quan

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Doanh thu cung ứng sách đại học dạy nghề		5.497.717.365	5.151.281.444
+ Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. HCM	Chung Công ty đầu tư	258.507.440	241.716.700
+ Công ty Cổ phần Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư	1.510.248.793	1.284.623.319
+ Công ty Cổ phần Sách và TBGD Miền Trung	Chung Công ty đầu tư	915.981.988	999.849.713
+ Công ty Cổ phần ĐT&PT Giáo dục Hà nội	Chung Công ty đầu tư	277.337.864	49.889.696
+ Công ty Cổ phần Sách và TBGD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư	1.975.967.650	1.944.771.856
+ Công ty Cổ phần Sách và TBGD Cửu Long	Chung Công ty đầu tư	489.152.300	600.475.860
+ Các đối tượng khác		70.521.330	29.954.300
Cộng		5.497.717.365	5.151.281.444

22. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Giá vốn sách Đại học-Dạy nghề	4.982.359.459	5.458.605.251
Giá vốn sách liên kết	790.109.570	372.990.092
Giá vốn sách tham khảo mua ngoài	81.878.945	38.711.928
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(50.259.633)	(52.400.562)
Cộng	5.804.088.341	5.817.906.709

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	208.047.411	270.323.838
Lãi bán các khoản đầu tư	84.985.200	-
Cộng	293.032.611	270.323.838

24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí nhân công	172.793.432	-
Chi phí bốc xếp, vận chuyển hàng tiêu thụ	146.813.260	117.101.930
Các khoản khác	18.080.570	23.467.830
Cộng	337.687.262	140.569.760

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí nhân công	1.850.316.061	1.861.969.972
Chi phí thuê kho, thuê nhà	341.493.241	434.581.933
Các khoản khác	671.955.600	609.987.393
Cộng	2.863.764.902	2.906.539.298

25. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Thu từ thanh lý tài sản	454.545	-
Hoàn tiền nhuận bút trích thừa	3.000.000	-
Phí quản lý xuất bản điều chỉnh giảm	4.690.500	5.281.000
Các khoản khác	146.550	300
Cộng	8.291.595	5.281.300

26. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí thiệt hại sách	-	10.745.000
Phí quản lý xuất bản điều chỉnh giảm	-	820.000
Chi phí phạt chậm nộp thuế	2.563.635	-
Các khoản khác	1.656.874	-
Cộng	4.220.509	11.565.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.151.956.215	1.100.129.982
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	84.410.509	97.711.400
Điều chỉnh tăng	84.410.509	97.711.400
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	52.580.509	71.156.400
- Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia quản lý, điều hành	31.830.000	26.555.000
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	1.236.366.724	1.197.841.382
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	272.000.679	263.525.104
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	272.000.679	263.525.104
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	879.955.536	836.604.878
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi) (*)	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	879.955.536	836.604.878
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	880	837

(*) Lãi cơ bản được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi. Kế hoạch Đại hội cổ đông của Công ty không quy định tỷ lệ trích cụ thể. Hàng năm, căn cứ vào kết quả kinh doanh đã đạt được cuối năm, Ban điều hành sẽ đề xuất số tiền trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cụ thể.

29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí nhân công	2.023.109.493	1.867.276.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.631.189.848	7.134.287.118
Chi phí khác bằng tiền	508.383.813	144.107.760
Cộng	9.162.683.154	9.145.671.850

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

30. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Công ty đầu tư Công ty đầu tư Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Tiền điện, thuê nhà và các dịch vụ khác	42.394.592	198.038.293
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Tiền in sách ĐH-DN	234.940.588	244.231.538
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phí quản lý xuất bản	425.648.000	464.156.000
	Mua tem chống hàng giả	21.780.000	-
	Khác	10.000.000	-
Giao dịch khác			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Thu nhập từ lãi cho vay	120.666.668	232.283.332

c. Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lương Ban giám đốc	561.423.000	541.784.366
- Giám đốc	239.055.500	237.756.598
- Các Phó Giám đốc	322.367.500	304.027.768
Thu nhập Hội đồng quản trị	53.390.000	319.149.770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là biên tập, phát hành sách đại học dạy nghề và một bộ phận địa lý chính là lãnh thổ Việt Nam.

32. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá hàng hóa, nguyên liệu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ và các khoản vay nên Công ty không chịu rủi ro về tỷ giá, lãi suất. Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí in ấn chiếm phần lớn trong giá vốn hàng bán nên Công ty chịu rủi ro về giá in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm khách hàng cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau hơn nữa khách hàng của Công ty là các Công ty Sách lớn hoặc Bộ Giáo dục, các Trường Đại học. Đây là các khách hàng truyền thống, tình hình thanh toán kịp thời. Mặt khác, đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán Công ty cũng thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ và thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<u>30/06/2015</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	2.759.022.352	-	2.759.022.352
Chi phí phải trả	92.770.766	-	92.770.766
Phải trả khác	16.373.700	-	16.373.700
Cộng	2.868.166.818	-	2.868.166.818
<u>31/12/2014</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	1.033.757.170	-	1.033.757.170
Chi phí phải trả	676.246.000	-	676.246.000
Phải trả khác	16.373.700	-	16.373.700
Cộng	1.726.376.870	-	1.726.376.870

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>30/06/2015</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.478.027.375	-	2.478.027.375
Đầu tư tài chính dài hạn	203.815.200	-	203.815.200
Phải thu khách hàng	5.035.746.778	-	5.035.746.778
Phải thu về cho vay	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Phải thu khác	53.235.000	-	53.235.000
Cộng	10.770.824.353	-	10.770.824.353
<u>31/12/2014</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.413.624.375	-	1.413.624.375
Đầu tư tài chính	-	634.000.000	634.000.000
Phải thu khách hàng	2.247.710.403	-	2.247.710.403
Phải thu về cho vay	7.400.000.000	-	7.400.000.000
Phải thu khác	50.525.000	49.610.000	100.135.000
Cộng	11.111.859.778	683.610.000	11.795.469.778

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

34. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên báo cáo tài chính đã được trình bày lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với các quy định về lập báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.



Ngô Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2015

Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng

Người lập biểu

Hoàng Quốc Khánh